

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Văn Truyền
2. Ông Hồ Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2018/TLST-HN ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ung Văn N, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30/5/2018).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978 (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ung Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị D kết hôn vào năm 1997, đến năm 2002 thì vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng do kinh tế khó khăn nên vào năm 2008 bà D lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê để cải thiện cuộc sống. Năm đầu tiên đi làm, bà D thường về thăm gia đình sau đó thì không còn về nhà. Từ đó, ông và bà D sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông đã nhiều lần khuyên bà D quay về nhà, vợ chồng cùng làm ăn để chăm lo cho con nhưng bà D không chịu về. Nay ông không còn tình cảm vợ chồng nên xin được ly hôn với bà D.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà có 01 con chung tên Ứng Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2002, hiện con đang sống với ông từ lúc bà D đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Sau khi ly hôn, ông xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống ông và bà D không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/4/2018, cháu Ứng Thị Thanh T trình bày như sau:

Hiện cháu đang sống với cha. Nếu cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Vì từ nhỏ cháu đã sống chung cha.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ứng Văn N; Về con chung: Ông N tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Ứng Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2002, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông N không có yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Ứng Văn N và nội dung vụ việc cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo xác nhận đề ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Công an xã P, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thì bị đơn bà Nguyễn Thị D đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh B nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 30/5/2018 và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của ông Ứng Văn N và bà Nguyễn Thị D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà sống tại tỉnh Trà Vinh, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2008 thì mất hạnh phúc. Theo ông N nguyên nhân mất hạnh phúc là do từ năm 2008 khi bà D đi thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh thì không về thăm gia đình, không quan tâm chồng con. Ông đã nhiều lần khuyên bà D về nhà cùng ông chăm lo cho gia đình nhưng bà D không đồng ý. Bà D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà D đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn tình cảm nhưng bà D vắng mặt không có lý do chứng tỏ bà không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ còn ông N thì cương quyết xin ly hôn với bà D vì không còn tình cảm. Ngoài ra, qua xác minh trường ấp xã P, xã P cho biết vào đầu năm 2017 bà D về sống tại nhà mẹ ruột ở ấp xã P, xã P do mâu thuẫn với ông N. Từ khi bà D về địa phương sống, ông N không đến thăm hay gặp gỡ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng minh cuộc hôn nhân của ông N và bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung*: Ông N và bà D có 01 con chung tên Ứng Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2002, hiện đang sống với ông N. Nay ly hôn, ông N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Bà D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/4/2018, cháu T trình bày nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với cha. Vì vậy, ông N được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu T. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con việc ông N không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện của ông nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản*: Theo ông N trình bày thì ông và bà D không có tài sản chung và không có nợ ai. Bà D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo giao nộp chứng cứ cho Tòa án nhưng bà D không có ý kiến hay yêu cầu. Do đó, không có căn cứ xác định ông bà có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Ứng Văn N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ứng Văn N.

Ông Ứng Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

2. *Về nuôi con chung*: Ông Ứng Văn N tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Ứng Thị Thanh T, sinh ngày 26/4/2002. Bà Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Ứng Văn N không có yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống ông N và bà D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đề cập.

4. *Về án phí hôn nhân:* Ông Ứng Văn N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009044 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (80, 12/11/2002)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đĩnh

định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống ông Ngoan và bà Dung không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đề cập.

4. *Về án phí hôn nhân:* Ông Ứng Văn Ngoan phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009044 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Truyền

Hồ Văn Thái

Nguyễn Văn Đĩnh